

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2023/HNGĐ-PT  
Ngày 14-3-2023  
V/v “Tranh chấp tài sản chung,  
nợ chung sau khi ly hôn”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thành Hiếu

*Các Thẩm phán:*

Ông Đặng Đức Hào

Bà Lý Thị Lệ Thủy

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hảo, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa:** Bà Thành Thị Linh– Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 18/2022/TLPT-HNGĐ ngày 25-11-2022 về việc “Tranh chấp chia tài sản chung, nợ chung sau khi ly hôn”.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 93/2022/HNGĐ-ST ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố V bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 17/2022/QĐPT-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2022/QĐ-PT ngày 26-12-2022, Thông báo mở lại phiên tòa số 01/2023/TB-TA ngày 20-02-2023, giữa:

**- Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1979; Địa chỉ: Phường 7, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

Đại diện theo ủy quyền của bà Th: Ông Bùi Văn S, sinh năm 1981; Địa chỉ: Phường 4, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Có mặt).

**- Bị đơn:** Ông Phạm Hải Th, sinh năm 1979; Địa chỉ: Phường 7, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Vắng mặt).

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Trần Thanh H, sinh năm 1969; Địa chỉ: Phường 2, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Vắng mặt).

Đại diện theo ủy quyền của bà H: Bà Nguyễn Thị Tr, sinh năm 1987 (có mặt) và ông Nguyễn Văn Ng, sinh năm 1985 (vắng mặt); Cùng địa chỉ: Phường 9, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

2. Ông Vũ H, sinh năm 1962; Địa chỉ: Phường 2, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

Đại diện theo ủy quyền của ông H: Bà Nguyễn Thị Tr, sinh năm 1987; Địa chỉ: Phường 9, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Có mặt).

3. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1952 và bà Bùi Thị Ph, sinh năm 1955; Cùng địa chỉ: xã P, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

4. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh V; Địa chỉ trụ sở: Phường 11, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Vắng mặt).

5. Công ty TNHH Đầu Tư Xây dựng - Viễn Thông VT; Địa chỉ trụ sở: phường 3, Quận 4, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Hải Th, sinh năm 1979; Địa chỉ: Phường 7, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Vắng mặt).

6. Công ty TNHH MTV Xây dựng và Viễn Thông VT; Địa chỉ trụ sở: phường 3, Quận 4, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Hải Th, sinh năm 1979; Địa chỉ: Phường 7, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Vắng mặt).

*Người làm chứng:* Bà Phạm Thị KL; Địa chỉ: Phường 2, thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (Vắng mặt).

Người kháng cáo: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thanh H.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tố tụng, bà Nguyễn Thị Th và người đại diện theo ủy quyền của bà Th là ông Bùi Văn S trình bày:*

Bà Nguyễn Thị Th và ông Phạm Hải Th đăng ký kết hôn tại UBND Phường 7, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ngày 27/11/2003. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, có 02 con chung là cháu Phạm Thảo A (18 tuổi) và cháu Phạm Hải A (11 tuổi). Hai bên đã ly hôn theo Quyết định số 168/2019/QĐST-HNGD ngày 15/5/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố V.

Tại thời điểm giải quyết ly hôn, bà Th và ông Th không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề tài sản chung và nợ chung do hai bên thống nhất sẽ tự thỏa thuận với nhau. Ngày 12/4/2019, hai bên lập Văn bản thỏa thuận phân chia tài sản chung vợ chồng. Tuy nhiên, ông Th đã không thực hiện đúng nội dung thỏa thuận. Trong thời kỳ hôn nhân hai bên có những tài sản chung và nợ chung sau:

#### *Tài sản chung:*

1. Nhà đất thuộc thửa đất số 60 (cũ 1268), tờ bản đồ số 11 (cũ 01), diện tích 136m<sup>2</sup>, tại Phường 7, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (sau đây gọi tắt là Nhà đất P) đã được Ủy ban nhân dân thành phố V cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 777472652400540 ngày 06/11/2009, Văn

phòng đăng ký quyền sử dụng đất chỉnh lý biến động sang tên ông Th, bà Th ngày 20/01/2015.

2. Công ty TNHH đầu tư xây dựng – Viễn thông VT (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3502302377 do Sở Kế hoạch – Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 15/3/2016) do ông Phạm Hải Th đại diện.

3. Công ty TNHH MTV Xây dựng Viễn Thông VT (theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0308257255 do Sở Kế hoạch – Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20/4/2009) do ông Phạm Hải Th đại diện.

4. Ô tô Camry, nhãn hiệu Toyota có biển số 51A 842XX, số khung: RL4BF9FK4C6000638, số máy: 2AR0782675; Giấy đăng ký xe ô tô số 164831 do Công ty TNHH MTV xây dựng viễn thông VT đứng tên.

*Nợ chung:*

Vợ chồng bà Nguyễn Thị Th và ông Phạm Hải Th có vay của ông Nguyễn Văn H và bà Bùi Thị Ph số tiền 3.100.000.000 đồng (Ba tỷ, một trăm triệu đồng). Trong đó, vay để sửa nhà là 650.000.000 đồng (Sáu trăm, năm mươi triệu đồng) và vay để kinh doanh là 2.450.000.000 đồng (Hai tỷ, bốn trăm năm mươi triệu đồng).

Trong quá trình giải quyết vụ án và đến khi xét xử sơ thẩm bà Th yêu cầu chia tài sản chung là nhà đất thuộc thửa đất số 60 (cũ 1268), tờ bản đồ số 11 (cũ 01), diện tích 136m<sup>2</sup>, tại Phường 7, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, theo quy định của pháp luật mỗi bên  $\frac{1}{2}$  giá trị; bà Th có nguyện vọng nhận toàn bộ nhà đất trên và có nghĩa vụ trả cho ông Th  $\frac{1}{2}$  giá trị nhà đất; đối với các tài sản khác bà Th rút yêu cầu không tranh chấp. Đối với khoản nợ chung 3.100.000.000đ mà vợ chồng bà nợ ông Nguyễn Văn H và bà Bùi Thị Ph bà cũng không yêu cầu.

Đối với khoản nợ 4.600.000.000 đ (Bốn tỷ sáu trăm triệu đồng) đối với bà H, ông H đó là nợ riêng của ông Th, bà không có nghĩa vụ phải trả.

Ngoài ra, bà Th đề nghị Tòa án không tiến hành việc đo vẽ, thẩm định, định giá lại đối với tài sản tranh chấp là nhà đất nói trên và giữ nguyên theo kết quả Biên bản định giá tài sản, Biên bản về việc đo vẽ; Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 25/8/2020.

*Tại bản tự khai và quá trình tố tụng ông Phạm Hải Th trình bày:*

Ông xác nhận những nội dung bà Th trình bày về quá trình chung sống cho đến khi ly hôn là đúng. Ông cũng xác nhận giữa ông và bà Th có những tài sản chung như bà Th trình bày.

*Về nợ chung:* Ông xác định ông và bà Th không có khoản nợ đối với ông Nguyễn Văn H và bà Bùi Thị Ph mà chỉ có khoản nợ chung đối với ông Vũ H và bà Trần Thị H số tiền 4.600.000.000 đ (Bốn tỷ sáu trăm triệu đồng). Ông đề nghị

Tòa án chia đôi số nợ chung trên, ông và bà Th mỗi người phải có trách nhiệm trả  $\frac{1}{2}$ .

Nay bà Th rút một phần yêu cầu khởi kiện về tài sản chung là 02 công ty, 01 xe ô tô và khoản nợ chung của ông Nguyễn Văn H và bà Bùi Thị Ph ông đồng ý. Ông cũng đồng ý để bà Th được quyền sử dụng, sở hữu tài sản là Nhà đất P và thay bằng việc trả ông  $\frac{1}{2}$  giá trị nhà đất thì bà Th phải thanh toán khoản nợ đối với bà H, ông Vũ H cả gốc và lãi là 5.000.000.000 đồng.

Ngoài ra, ông Th đề nghị Tòa án không tiến hành việc đo vẽ, thẩm định, định giá lại đối với tài sản tranh chấp là nhà đất nói trên và giữ nguyên theo kết quả Biên bản định giá tài sản, Biên bản về việc đo vẽ; Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 25/8/2020.

*Theo đơn yêu cầu độc lập, bản tự khai và quá trình tố tụng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thanh H và người đại diện theo ủy quyền của bà H là bà Nguyễn Thị Tr và ông Nguyễn Văn Ng trình bày:*

Ông Phạm Hải Th và bà Nguyễn Thị Th là vợ chồng và là chủ sở hữu hợp pháp đối với Nhà đất P. Vào khoảng tháng 11/2019 bà H có quen với bà Phạm Thị KL và được bà L giới thiệu với ông Phạm Hải Th, sau đó bà H được biết vợ chồng ông Phạm Hải Th đang cần tiền gấp để đáo hạn ngân hàng cho khoản vay thế chấp bằng Nhà đất P. Vợ chồng ông Th vay của bà H số tiền 4.600.000.000 đ (Bốn tỷ sáu trăm triệu đồng) vào ngày 20/11/2019 để thanh toán cho khoản vay thế Nhà đất P nói trên tại Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn – Chi nhánh V vì khoản vay này đã bị nợ quá hạn, rơi vào tình trạng nợ xấu và bị tính lãi suất nợ quá hạn. Ông Th, bà Th cam kết sẽ sử dụng chính quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở P để vay thế chấp lại tại ngân hàng để trả tiền cho bà H ngay sau khi được giải chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở, các bên thỏa thuận lãi suất là 2%/tháng, từ ngày vay.

Do ông Th là chỗ quen biết thân tình với bà Phạm Thị KL nên bà H rất tin tưởng, ngày 20/11/2019 bà H đã đưa 4.600.000.000 đ (Bốn tỷ sáu trăm triệu đồng) cho bà Phạm Thị KL đi chuyển vào tài khoản số 6090201016081 của Công ty TNHH Đầu tư xây dựng – Viễn Thông VT tại ngân hàng Agribank – chi nhánh V theo chỉ định của ông Th. Để đảm bảo cho việc trả nợ, ông Th đã ký hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng Nhà đất P vào ngày 20/11/2019 cho bà H.

Tuy nhiên, sau khi ông Th, bà Th sử dụng số tiền vay của bà H để thanh toán cho khoản nợ chung của ông Th, bà Th tại ngân hàng Agribank thì bà Th đã không thực hiện việc ký hợp đồng vay thế chấp lại để lấy tiền trả cho bà H, cũng không thực hiện việc trả nợ gốc và tiền lãi cho bà H mặc dù bà H đã rất nhiều lần yêu cầu.

Vì sự vi phạm và trốn tránh của ông Th, bà Th nên ngày 15/8/2020 bà H đã có đơn yêu cầu độc lập gửi tới Tòa án nhân dân thành phố V để đề nghị Tòa án nhân dân thành phố V xem xét thụ lý, giải quyết yêu cầu của bà H đối với vợ chồng ông Phạm Hải Th và bà Nguyễn Thị Th, cụ thể: “Đề nghị Tòa tuyên huỷ Hợp đồng đặt cọc mua bán nhà đất ngày 20/11/2019 giữa bà H và ông Phạm Hải Th. Tuyên buộc ông Phạm Hải Th và bà Nguyễn Thị Th phải trả cho bà H tổng số tiền nợ gốc 4.600.000.000 đ (Bốn tỷ sáu trăm triệu đồng) và tiền lãi suất kể từ ngày 20/11/2019 đến ngày 25/07/2022 theo lãi suất 11,25% năm là  $4.600.000.000đ \times 0.0308\%/ngày \times 979 \text{ ngày} = 1.388.034.247 \text{ đồng}$ .

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà H xin rút yêu cầu về việc huỷ Hợp đồng đặt cọc mua bán nhà đất ngày 20/11/2019 giữa bà và ông Phạm Hải Th; giữ nguyên yêu cầu độc lập đề nghị Tòa tuyên buộc ông Phạm Hải Th và bà Nguyễn Thị Th phải có trách nhiệm trả bà H số tiền nợ gốc 4.600.000.000 đ (Bốn tỷ sáu trăm triệu đồng) và tiền lãi suất kể từ ngày 20/11/2019 đến ngày 25/07/2022 theo lãi suất 11,25% năm là  $4.600.000.000đ \times 0.0308\%/ngày \times 979 \text{ ngày} = 1.388.034.247 \text{ đồng}$ .

Ngoài ra, bà H đề nghị Tòa án không tiến hành việc đo vẽ, thẩm định, định giá lại đối với tài sản tranh chấp là nhà đất nói trên và giữ nguyên theo kết quả Biên bản định giá tài sản, Biên bản về việc đo vẽ; Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 25/8/2020.

*Tại bản tự khai, quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Vũ H và người đại diện ủy quyền của ông H là bà Nguyễn Thị Tr trình bày:*

Việc ông Phạm Hải Th và bà Nguyễn Thị Th vay số tiền 4.600.000.000đ (Bốn tỷ sáu trăm triệu đồng) của bà Trần Thị H thông qua bà Phạm Thị KL để dùng vào việc thực hiện đáo hạn ngân hàng cho khoản tiền mà vợ chồng ông Th, bà Th vay và thế chấp bằng quyền sử dụng đất và quyền sở hữu Nhà đất P ông có được bà H cho biết. Đây là số tiền thuộc tài sản chung của vợ chồng ông và bà H nên đề nghị Tòa tuyên buộc ông Th, bà Th phải có nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông bà số tiền nợ gốc là 4.600.000.000 đ (Bốn tỷ sáu trăm triệu đồng) và tiền lãi suất kể từ ngày 20/11/2019 đến ngày 25/07/2022 theo lãi suất 11,25% năm là  $4.600.000.000đ \times 0.0308\%/ngày \times 979 \text{ ngày} = 1.388.034.247 \text{ đồng}$ .

Ông đồng ý với việc rút yêu cầu tuyên huỷ Hợp đồng đặt cọc ngày 20/11/2019 của bà H.

*Tại bản tự khai, quá trình tố tụng, đại diện ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H và bà Bùi Thị Ph là ông Bùi Văn S trình bày:*

Năm 2004 ông Nguyễn Văn H và bà Bùi Thị Ph có mua đất của ông Nguyễn Văn M với diện tích 30m<sup>2</sup>. Mua bán chuyển nhượng bằng giấy tay, hiện tại chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Phần xây dựng phía sau căn nhà thuộc thửa đất số 60 (số cũ 1268), tờ bản đồ số 11 (cũ 01) tại Phường 7, TP V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu được xây dựng là trên diện tích đất của vợ chồng ông Nguyễn Văn H và bà Bùi Thị Ph, việc xây dựng trên là do bà Th, ông Th xây dựng nên về phần giá trị xây dựng trên ông H và bà Ph không nhận mà để cho ông Th, bà Th phân chia cho nhau. Việc định giá tài sản là căn nhà, thửa đất số 60 (số cũ 1268), tờ bản đồ số 11 (cũ 01) tại Phường 7, TP V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ông H và Bà Ph không có ý kiến gì. Ông H và bà Ph cũng không có yêu cầu gì trong vụ án, ông bà đồng ý và tôn trọng các thỏa thuận, quyết định của các bên trong vụ án và không thắc mắc, khiếu nại gì.

Ngoài ra, ông bà đề nghị Tòa án không tiến hành việc đo vẽ, thẩm định, định giá lại đối với tài sản tranh chấp là nhà đất nói trên và giữ nguyên theo kết quả Biên bản định giá tài sản, Biên bản về việc đo vẽ; Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 25/8/2020.

*Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh V trình bày:* Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh V có cho Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng – Viễn Thông VT vay số tiền 4.300.000.000đ (Bốn tỷ ba trăm triệu đồng) theo Hợp đồng tín dụng số 6090-LAV-201802968 ký kết ngày 02/8/2018. Tài sản thế chấp là Nhà đất P. Hồ sơ vay đã tất toán ngày 14/11/2019. Bản chính Giấy chứng nhận Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 777472652400540 ngày 06/11/2009 đã giao cho Tòa án nhân dân thành phố V ngày 15/6/2022.

*Quá trình tố tụng, đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng - Viễn Thông VT, ông Phạm Hải Th trình bày:* Do bà Th đã rút yêu cầu phân chia tài sản là Công ty TNHH Đầu tư - Xây dựng Viễn Thông VT nên Công ty không có ý kiến gì.

*Công ty TNHH MTV Xây dựng và Viễn Thông VT:* Không ghi nhận được ý kiến.

*Người làm chứng bà Phạm Thị KL trình bày:* Việc vợ chồng ông Phạm Hải Th và bà Nguyễn Thị Th vay số tiền 4.600.000.000 đ (Bốn tỷ sáu trăm triệu đồng) của bà Trần Thị H để dùng vào việc thực hiện đáo hạn ngân hàng cho khoản tiền mà vợ chồng ông Th, bà Th vay và thế chấp bằng Nhà đất P tại ngân hàng

Agribank chi nhánh V bà KL có được biết toàn bộ nội dung của vụ việc. Vì chính bà KL là người giới thiệu vợ chồng ông Th, bà Th cho bà H. Bà KL cũng là người đứng ra thỏa thuận với ông Th, bà Th về mức lãi suất cho vay là 2%/tháng, đồng thời ngoài khoản tiền lãi ông Th, bà Th phải trả cho bà H thì ông Th, bà Th còn thỏa thuận và đồng ý trả thêm một khoản tiền cho bà KL vì bà KL đã đứng ra giới thiệu dịch vụ cho ông Th, bà Th. Số tiền phí dịch vụ ông Th, bà Th hứa trả cho bà KL là 10.000.000 đồng nếu trong vòng 3 ngày đáo hạn xong, số tiền này hiện nay ông Th, bà Th cũng chưa trả cho bà KL.

Ngày 02/08/2019 khoản nợ của ông Th, bà Th tại ngân hàng Agribank đã hết hạn, từ ngày 03/08/2019 đã bị tính lãi quá hạn và lãi phạt do chậm trả. Ngày 20/11/2019 bà H là người đưa tiền cho bà KL để bà KL chuyển vào tài khoản số 6090201016081 của Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng – Viễn Thông VT tại ngân hàng Agribank – chi nhánh V, là ngân hàng theo chỉ định của ông Th, để thanh toán cho khoản vay của vợ chồng ông Th, bà Th tại ngân hàng Agribank chi nhánh V. Khoản tiền này là của bà H, bà KL chỉ là người đi nộp thay cho bà H sau khi bà KL và ông Th thống nhất và bà KL báo cho bà H được bà H đồng ý. Việc vợ chồng ông Th, bà Th vay của bà H 4.600.000.000 đ (Bốn tỷ sáu trăm triệu đồng) là hoàn toàn đúng sự thật. Ông Th, bà Th nói vay xong sẽ thế chấp lại ngay trong ngày để lấy tiền trả cho bà H.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 93/2022/HNGĐ-ST ngày 25-7-2022 của Tòa án nhân dân thành phố V; căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 229, Khoản 2 Điều 244, Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 463 Bộ luật dân sự; Khoản 2 Điều 59, Điều 62 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điểm b Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Th đối với bị đơn là ông Phạm Hải Th về việc:

- Chia tài sản chung là:

+ Công ty TNHH đầu tư xây dựng – Viễn thông VT (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3502302377 do Sở Kế hoạch – Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 15/3/2016) do ông Phạm Hải Th đại diện.

+ Công ty TNHH MTV Xây dựng Viễn Thông VT (theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0308257255 do Sở Kế hoạch – Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20/4/2009) do ông Phạm Hải Th đại diện.

+ Xe ô tô Camry, nhãn hiệu Toyota có biển số 51A 842XX, số khung: RL4BF9FK4C6000638, số máy: 2AR0782675; Giấy đăng ký xe ô tô số 164831 do

Công ty TNHH MTV xây dựng viễn thông VT đứng tên.

- Chia nợ chung là số tiền 3.100.000.000 đồng vay của ông Nguyễn Văn H, bà Bùi Thị Ph.

2. Đình chỉ yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thanh H về việc hủy Hợp đồng đặt cọc mua bán nhà đất ngày 20/11/2019 giữa bà Trần Thanh H và ông Phạm Hải Th.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Th đối với bị đơn là ông Phạm Hải Th về việc chia tài sản chung là nhà đất thuộc thửa đất số 60 (cũ 1268) tọa lạc tại Phường 7, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu:

- Công nhận bà Nguyễn Thị Th được quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 60 (cũ 1268), tờ bản đồ số 11 (cũ 01), diện tích theo bản đồ địa chính là 136 m<sup>2</sup> (diện tích thực tế sử dụng là 134.4 m<sup>2</sup>) tọa lạc tại Phường 7, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Công nhận bà Nguyễn Thị Th được quyền sở hữu 01 căn nhà 3 tầng, diện tích sàn là 178,08m<sup>2</sup> tọa lạc tại Phường 7, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Nhà đất trên được Ủy ban nhân dân thành phố V cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 777472652400540 ngày 06/11/2009, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất chỉnh lý biến động sang tên cho ông Th, bà Th ngày 20/01/2015.

Giao lại Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 777472652400540 ngày 06/11/2009 cho bà Nguyễn Thị Th. Bà Th được quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký, lập thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

(Kèm theo Sơ đồ vị trí thửa đất do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất thành phố V lập ngày 06/10/2020).

- Bà Nguyễn Thị Th có nghĩa vụ thanh toán cho ông Phạm Hải Th số tiền là 5.239.013.304 đồng (năm tỷ, hai trăm ba mươi chín triệu, không trăm mười ba ngàn, ba trăm lẻ bốn đồng).

4. Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thanh H:

- Buộc ông Phạm Hải Th phải thanh toán cho vợ chồng bà Trần Thanh H và ông Vũ H số tiền 5.498.575.342 đ (Năm tỷ, bốn trăm chín mươi tám triệu, năm trăm bảy mươi lăm ngàn, ba trăm bốn mươi hai đồng), trong đó 4.600.000.000đ (bốn tỷ sáu trăm triệu đồng) tiền nợ gốc và 898.575.342 đ (tám trăm chín mươi tám triệu, năm trăm bảy mươi lăm ngàn, ba trăm bốn mươi hai đồng) tiền lãi.

5. Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành án xong.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các bên đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 08-8-2022 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thanh H có đơn kháng cáo Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 93/2022/HNGĐ-ST ngày 25-7-2022 của Tòa án nhân dân thành phố V, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của bà Trần Thanh H, buộc ông Phạm Hải Th và bà Nguyễn Thị Th phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà H tổng số tiền là 5.978.109.589đ, trong đó tiền gốc 4.600.000.000đ, tiền lãi tính từ ngày 20/11/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm 25/7/2022 theo lãi suất 11,25%/năm là 1.378.109.589đ.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:* Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vẫn nguyên yêu cầu kháng cáo, các bên đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án.

**\* *Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu:***

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, thành viên Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thanh Hương kháng cáo không có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thanh Hương; áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 93/2022/DS-ST ngày 25-7-2022 của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong hạn luật định và đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận xem xét lại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 93/2022/DS-ST ngày 25-7-2022 của Tòa án nhân dân thành phố V theo trình tự phúc thẩm.

[2] Sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa hôm nay, Tòa án đã tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập hợp lệ và đã có giấy ủy quyền, theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự thì sự vắng mặt của các đương sự không ảnh hưởng tới việc xét xử vụ án.

[3] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Th khởi kiện ông Th tranh chấp tài sản chung, nợ chung sau ly hôn. Bị đơn cư trú tại thành phố V và nhà đất tranh chấp cũng tọa lạc tại thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Căn cứ Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố V giải quyết vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm trên là đúng thẩm quyền.

[4] Về nội dung:

- Tài sản tranh chấp yêu cầu chia: nguyên- bị đơn đều xác định tài sản tranh chấp là nhà đất tọa lạc tại Phường 7, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu là tài sản chung, tổng giá trị là 10.478.026.608đ, ngoài ra không còn tranh chấp tài sản nào khác; do đó Tòa án cấp sơ thẩm chỉ giải quyết chia tài sản chung của nguyên- bị đơn đối với tài sản trên là có căn cứ; không ai kháng cáo, kháng nghị đối với việc chia tài sản chung trên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ:

+ Nợ ông Nguyễn Văn H, bà Bùi Thị Ph số tiền 3.100.000.000đồng; bà Th cho rằng đó là nợ chung của vợ chồng, còn ông Th cho rằng không phải là nợ chung; tuy nhiên ông Nguyễn Văn H, bà Bùi Thị Ph xác định không tranh chấp và không có yêu cầu độc lập giải quyết số nợ trên, mặt khác bà Th cũng rút ý kiến đưa ra số nợ trên; đây là quyền lợi của ông Nguyễn Văn H, bà Bùi Thị Ph nhưng ông bà không yêu cầu, không làm thủ tục cho yêu cầu của mình nên không phải xem xét; Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ đối với yêu cầu này là chưa phù hợp, không cần thiết nên cần sửa phần này.

+ Nợ vợ chồng bà Trần Thanh H và ông Vũ H số tiền 4.600.000.000đ gốc. Bà Th xác định là nợ riêng của ông Th; còn ông Th xác định là nợ chung của vợ chồng; vợ chồng bà Trần Thanh H và ông Vũ H cũng xác định là nợ chung của vợ chồng ông Th, bà Th. Tòa án cấp sơ thẩm xác định số nợ trên là nợ riêng của ông Th và buộc ông Th trả cho vợ chồng bà Trần Thanh H và ông Vũ H số tiền 4.600.000.000đ gốc và tiền lãi 898.575.342đ. Bà Trần Thanh H không đồng ý nên kháng cáo phần này; ngoài ra không ai kháng cáo, kháng nghị.

Xét nội dung đơn kháng cáo của bà Trần Thanh H: bà H yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của bà, buộc ông Nguyễn Hải Th và bà Nguyễn Thị Th phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà H tổng số tiền là 5.978.109.589đ, trong đó tiền gốc 4.600.000.000đ, tiền lãi tính từ ngày 20/11/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm 25/7/2022 theo lãi suất 11,25%/năm là 1.378.109.589đ.

Tại đơn yêu cầu độc lập bà H xác định số tiền 4.600.000.000đ giao cho ông Th là tiền đặt cọc mua bán nhà đất phường 7 thành phố V theo Hợp đồng đặt cọc mua bán nhà đất ngày 20/11/2019 giữa ông Th và bà H nên bà H yêu cầu hủy hợp đồng đặt cọc trên và yêu cầu ông Th, bà Th trả lại 4.600.000.000đ gốc cùng với lãi suất; tại bản tự khai ngày 21/3/2022 bà H xác định số tiền trên là tiền vay mượn không phải tiền đặt cọc mua bán nhà đất nên yêu cầu trả 4.600.000.000đ gốc cùng

với lãi suất từ ngày 20/11/2019. Xét thấy chứng từ tài liệu bà H chứng minh là giấy nộp tiền 4.600.000.000đ ngày 20/11/2019 tại Ngân hàng Agribank Chi nhánh V do bà KL nộp vào Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng – Viễn Thông VT, Hợp đồng đặt cọc mua bán nhà đất phường 7 thành phố V ngày 20/11/2019 giữa ông Th và bà H có sự làm chứng của bà Trần Thị KL, không có chữ ký của bà Th, bà Th cũng không thừa nhận sự việc trên, trong khi đó bà Th và ông Th đã ly hôn trước đó, tức là từ ngày 20/11/2019 ông Th, bà Th không còn là vợ chồng. Bà H cho rằng ông Th, bà Th vay số tiền trên để đáo hạn Ngân hàng, do nhà đất trên đang thế chấp tại Ngân hàng, tuy nhiên qua làm việc với Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Chi nhánh V xác nhận Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng – Viễn Thông VT có vay số tiền 4.300.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 6090-LAV-201802968 ký kết ngày 02/8/2018 tại Ngân hàng, tài sản thế chấp là Nhà đất phường 7 thành phố V. Hồ sơ vay đã tất toán ngày 14/11/2019. Như vậy khoản nợ trên đã được tất toán trước ngày ông Th và bà H thực hiện giao dịch vay mượn số tiền 4.600.000.000đồng; việc bà H, ông H, bà KL cho rằng số tiền vay trên để đáo hạn ngân hàng là không có căn cứ; mặt khác số tiền 4.600.000.000đ bà H xác định là giao cho bà KL và bà KL chuyển vào tài khoản Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng – Viễn Thông VT do ông Th đại diện theo pháp luật, việc này cũng không liên quan gì đến bà Th. Trong quá trình kháng cáo và tại phiên tòa phúc thẩm bà H cung cấp giấy nộp tiền 4.600.000.000đ vào Ngân hàng Agribank Chi nhánh V ngày 14/11/2019 và cho rằng số tiền trên là cho Th, Th vay, tuy nhiên giấy nộp tiền trên thể hiện người nộp tiền là bà Trần Thị KL và người nhận tiền là Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng – Viễn Thông VT do ông Th đại diện theo pháp luật, do đó không có căn cứ xác định bà Th vay tiền của bà H. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm xác định số nợ trên là nợ riêng của ông Th và buộc ông Th trả nợ là có căn cứ.

Về thời gian tính tiền lãi: việc vay mượn giữa ông Th và bà H không làm giấy vay mượn tiền, không thể hiện thời hạn vay, không thỏa thuận mức lãi suất, chỉ có Hợp đồng đặt cọc mua bán nhà đất ngày 20/11/2019 giữa ông Th và bà H, giấy nộp tiền 4.600.000.000đ ngày 20/11/2019 tại Ngân hàng Agribank Chi nhánh V do bà KL nộp vào Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng – Viễn Thông VT. Ngày 12/8/2020 Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý yêu cầu độc lập của bà H về việc yêu cầu hủy hợp đồng đặt cọc, ngày 21/3/2022 bà H mới xác định yêu cầu của mình là tranh chấp hợp đồng vay tiền; việc bất nhất trong lời khai cũng như nội dung của chứng cứ bà H cung cấp, bà H yêu cầu tính tiền lãi từ ngày 20/11/2019 là không có căn cứ, Tòa án cấp sơ thẩm tính từ ngày thụ lý đơn yêu cầu độc lập của bà H là phù hợp, có lợi cho bà H.

Về mức lãi suất: bà H xác định cho vay mức lãi suất 2%/tháng nhưng bà chưa chứng minh mức lãi suất thỏa thuận nên Tòa án cấp sơ thẩm tính mức lãi suất

10%/năm là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bản chính Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 777472652400540 đối với nhà đất phường 7 thành phố V hiện nay bà Th đang giữ nên Tòa án cấp sơ thẩm quyết định tuyên giao lại cho bà Th giấy tờ trên là không cần thiết.

Từ những phân tích nêu trên có đủ cơ sở khẳng định kháng cáo của bà Trần Thanh H là không có căn cứ nên không chấp nhận.

Án phí phúc thẩm: do kháng cáo của bà H không được chấp nhận nên bà phải chịu.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thanh H.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 93/2022/DS-ST ngày 25-7-2022 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; Khoản 2 Điều 59, Điều 62 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điểm b Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th đối với bị đơn ông Phạm Hải Th về việc:

- Chia tài sản chung là:

+ Công ty TNHH đầu tư xây dựng – Viễn thông VT (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3502302377 do Sở Kế hoạch – Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 15/3/2016) do ông Phạm Hải Th đại diện.

+ Công ty TNHH MTV Xây dựng Viễn Thông VT (theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0308257255 do Sở Kế hoạch – Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20/4/2009) do ông Phạm Hải Th đại diện.

+ Xe ô tô Camry, nhãn hiệu Toyota có biển số 51A 842XX, số khung: RL4BF9FK4C6000638, số máy: 2AR0782675; Giấy đăng ký xe ô tô số 164831 do Công ty TNHH MTV xây dựng viễn thông VT đứng tên.

2. Đình chỉ yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thanh H về việc hủy Hợp đồng đặt cọc mua bán nhà đất ngày 20/11/2019 giữa bà Trần Thanh H và ông Phạm Hải Th.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th đối với bị đơn ông Phạm Hải Th về việc chia tài sản chung là nhà đất thuộc thửa đất số 60 (cũ 1268) tọa lạc tại Phường 7, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu:

- Công nhận bà Nguyễn Thị Th được quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 60 (cũ 1268), tờ bản đồ số 11 (cũ 01), diện tích theo bản đồ địa chính là 136 m<sup>2</sup> (diện tích thực tế sử dụng là 134.4 m<sup>2</sup>) tọa lạc tại Phường 7, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Công nhận bà Nguyễn Thị Th được quyền sở hữu 01 căn nhà 3 tầng, diện tích sàn là 178,08m<sup>2</sup> tọa lạc tại Phường 7, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Nhà đất trên được Ủy ban nhân dân thành phố V cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 777472652400540 ngày 06/11/2009, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất chỉnh lý biên động sang tên cho ông Th, bà Th ngày 20/01/2015.

Bà Th được quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký, lập thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

(Kèm theo Sơ đồ vị trí thửa đất do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất thành phố V lập ngày 06/10/2020).

- Bà Nguyễn Thị Th có nghĩa vụ thanh toán cho ông Phạm Hải Th số tiền là 5.239.013.304 đồng (năm tỷ, hai trăm ba mươi chín triệu, không trăm mười ba ngàn, ba trăm lẻ bốn đồng).

4. Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thanh H:

- Buộc ông Phạm Hải Th phải thanh toán cho vợ chồng bà Trần Thanh H và ông Vũ H số tiền 5.498.575.342đ (Năm tỷ, bốn trăm chín mươi tám triệu, năm trăm bảy mươi lăm ngàn, ba trăm bốn mươi hai đồng), trong đó 4.600.000.000đ (bốn tỷ, sáu trăm triệu đồng) tiền nợ gốc và 898.575.342đ (tám trăm chín mươi tám triệu, năm trăm bảy mươi lăm ngàn, ba trăm bốn mươi hai đồng) tiền lãi.

5. Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành án xong.

4. Chi phí tố tụng, xem xét thẩm định, đo vẽ, định giá tài sản: 10.000.000đ (Mười triệu đồng), bà Nguyễn Thị Th tự nguyện nộp và đã nộp xong.

5. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Th phải nộp 113.239.013đ (một trăm mười ba triệu, hai trăm ba mươi chín ngàn, không trăm mười ba đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền

tạm ứng án phí đã nộp là 46.000.000đ (bốn mươi sáu triệu đồng) theo biên lai thu số 0001646 ngày 18/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V. Bà Nguyễn Thị Th còn tiếp tục phải nộp 67.239.013đ (sáu mươi bảy triệu, hai trăm ba mươi chín ngàn, không trăm mười ba đồng).

- Ông Phạm Hải Th phải nộp 226.737.588đ (hai trăm hai mươi sáu triệu, bảy trăm ba mươi bảy ngàn, năm trăm tám mươi tám đồng).

- Bà Trần Thanh H phải nộp 23.578.356đ (hai mươi ba triệu, năm trăm bảy mươi tám ngàn, ba trăm năm mươi sáu đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền 56.507.000đ (năm mươi sáu triệu, năm trăm lẻ bảy ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0002404 ngày 11/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V. Bà H được hoàn lại 32.928.644đ (Ba mươi hai triệu, chín trăm hai mươi tám ngàn, sáu trăm bốn mươi bốn đồng).

6. Về án phí phúc thẩm: bà Trần Thanh H phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003239 ngày 07/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu. Bà Trần Thanh H đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 14-3-2023).

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh BR-VT;
- TAND TP V;
- VKSND TP V;
- Chi cục THADS TP V;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa HNGĐ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký và đóng dấu)*

**Nguyễn Thành Hiếu**